

An toàn quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực trạng và giải pháp

PGS, TS. NGHIÊM THỊ THÀ

TRONG ĐIỀU KIỆN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG, MỌI NGƯỜI ĐỀU CÓ QUYỀN BÌNH ĐẲNG TRONG LAO ĐỘNG VÀ HƯỚNG THỤ. MỘT TRONG NHỮNG CÔNG CỤ QUAN TRỌNG VÀ HỮU DỤNG ĐỂ THỰC HIỆN QUYỀN BÌNH ĐẲNG NÀY VÀ HƠN NỮA CÒN LÀ MỘT CÔNG CỤ ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI CỦA MỖI QUỐC GIA ĐÓ LÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI (BHXH). TUY NHIÊN, THỰC TẾ HẦU HẾT CÁC ĐỐI TƯỢNG PHẢI ĐÓNG BHXH THÌ ĐỀU MUỐN GIẢM, NỢ HOẶC TRỐN NGHĨA VỤ ĐÓNG GÓP VÀ TÌM MỌI CÁCH ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG VÀ HƯỚNG NHIỀU KHOẢN LĨNH TỪ QUỸ BHXH. Ở VIỆT NAM TRONG VÀI NĂM TRỞ LẠI ĐÂY, TÌNH TRẠNG NỢ ĐÓNG BHXH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP, TÌNH TRẠNG GIAN LẬN TRONG ĐÓNG VÀ HƯỚNG BHXH ĐANG NGÀY CÀNG GIA TĂNG, ĐẦU TƯ QUỸ BHXH KÉM HIỆU QUẢ LÀM DẪY LÊN MỐI QUAN NGẠI TRONG DƯ LUẬN VỀ SỰ AN TOÀN CỦA QUỸ BHXH, NGUY CƠ VỠ QUỸ BHXH TRONG TƯƠNG LAI. CHÍNH VÌ VẬY, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VÀ TÌM GIẢI PHÁP AN TOÀN CHO QUỸ BHXH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ TƯƠNG LAI LÀ VẤN ĐỀ TÁC GIẢ MUỐN TRAO ĐỔI TRONG BÀI VIẾT NÀY.

Thực trạng quản lý quỹ BHXH hiện nay

Từ tháng 01/2007, Luật BHXH của Việt Nam có hiệu lực thi hành, mọi người lao động làm việc trong các thành phần kinh tế đều có quyền đóng và hưởng BHXH, mở rộng loại hình BHXH tự nguyện, tạo nên sự bình đẳng về BHXH đối với mọi người lao động. Theo số liệu từ BHXH Việt Nam, quá trình thực hiện Luật từ năm 2007 - 2012 số lao động tham gia BHXH tăng hàng năm khoảng 7%, số thu BHXH tăng bình quân mỗi năm khoảng 33%, chi BHXH bình quân tăng 37%, quỹ BHXH độc lập một cách tương đối với ngân sách nhà nước và hoạt động theo nguyên tắc lấy thu bù chi và có lãi. Theo quy định hiện hành nguồn hình thành quỹ BHXH bao gồm:

- Tiền đóng BHXH của người lao động,
- Tiền đóng BHXH của người sử dụng lao động,
- Tiền hỗ trợ của Nhà nước, sinh lời từ đầu tư quỹ BHXH và các nguồn thu hợp pháp khác.

Trong đó chủ yếu là từ đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động. Từ năm 2007 đến nay, cả hai nguồn đóng góp này đều tăng khá nhanh. Sự tăng trưởng của quỹ BHXH từ hai nguồn đóng góp này phụ thuộc vào quy mô đối tượng tham gia, quỹ lương cơ bản để xác định BHXH và tỷ lệ đóng BHXH trên quỹ lương.

Tỷ lệ đóng BHXH qua các thời kỳ của Việt Nam

Bảng số liệu cho thấy tốc độ tăng của tỷ lệ đóng BHXH bắt buộc từ hai nguồn đều tăng nhanh nhưng đối với người lao động có tốc độ tăng nhanh hơn so với tốc độ tăng của người sử dụng lao động khiến cho tỷ trọng phần đóng góp của người lao động trong tổng số tăng dần – năm 2007 là 20,8% đến năm 2014 là 26,7% và tỷ trọng phần đóng góp của người sử dụng lao động trong tổng số giảm dần theo thời gian – năm 2007 là 79,2% đến năm 2014 chỉ còn 73,3% người lao động đã phải

Bảng 1: Tỷ lệ đóng BHXH bắt buộc của các đối tượng tham gia

Đối tượng	01/2007-12/2009		2010-12/2011		2012-12/2013		Từ 01/2014	
	Tỷ lệ đóng	Tỷ trọng	Tỷ lệ đóng	Tỷ trọng	Tỷ lệ đóng	Tỷ trọng	Tỷ lệ đóng	Tỷ trọng
Người lao động	5%	20,8%	6%	23%	7%	25%	8%	26,7%
Sử dụng lao động	19%	79,2%	20%	77%	21%	75%	22%	73,3%
Tổng cộng	24%		26%		28%		30%	

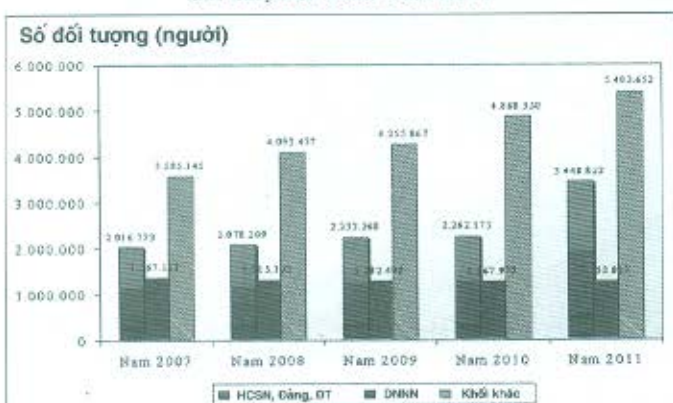
Nguồn: BHXH Việt Nam

gánh chịu sự gia tăng không hợp lý cần phải nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp về quy định về đóng BHXH của Việt Nam.

Quy mô đối tượng tham gia đóng BHXH

Thực hiện chủ trương đổi mới kinh tế của Đảng, các doanh nghiệp tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng nên đối tượng tham gia BHXH cũng tăng nhanh. Tính đến ngày 31/12/2011, cả nước có trên 10 triệu người lao động thuộc các tổ chức hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, doanh nghiệp... đóng BHXH trên biểu đồ 1, như vậy với dân số gần 90 triệu người, số người trong độ tuổi lao động khoảng hơn 40 triệu người thì số lượng lao động đóng BHXH bắt buộc mới chỉ đạt 25%, chứng tỏ còn tiềm năng về đối tượng tham gia BHXH còn khá lớn nên các cơ quan hoạch định chính sách BHXH cần phải tính tới yếu tố tiềm năng này để phát triển quỹ BHXH.

Biểu đồ 1: Biểu đồ phát triển Lao động tham gia BHXH bắt buộc từ 2007 đến 2011

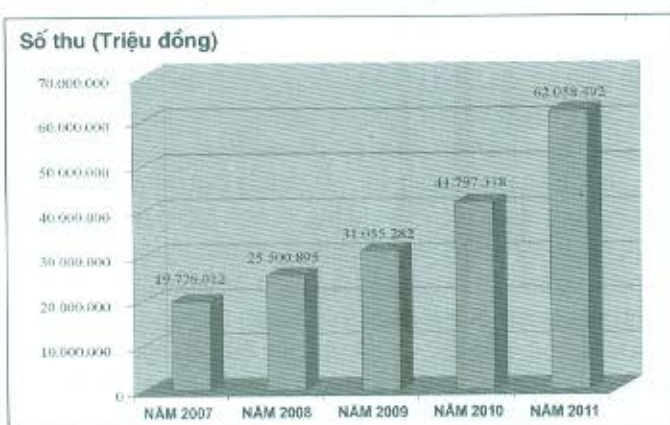


Nguồn: Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Quy lương cơ bản đóng BHXH bắt buộc

Tiền lương, tiền công trả cho người lao động là thỏa thuận của người sử dụng lao động với người lao động của mỗi đơn vị. Đối với công chức, viên chức làm việc trong khu vực nhà nước (bao gồm đơn vị hành chính sự nghiệp (HCSN); Đảng, đoàn thể và các doanh nghiệp nhà nước) do Nhà nước trả lương; người lao động làm việc ngoài khu vực nhà nước do người sử dụng lao động quy định và tiền lương này được hạch toán vào giá thành sản phẩm. Trách nhiệm của cơ quan BHXH là căn cứ vào các quy định của Nhà nước về chế độ tiền lương và các quyết định nâng lương của cấp có thẩm quyền để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời và có biện pháp nuôi dưỡng, khai thác nguồn thu. Trong những năm qua, mặc dù Nhà nước thường xuyên thay đổi chế độ tiền lương và đối tượng tham gia BHXH bắt buộc biến động lớn nhất là do suy thoái kinh tế nên các doanh nghiệp phá sản nhiều và việc cải cách hành chính nên lực lượng lao động của các cơ quan HCSN biến động.. nhưng việc thu, chi BHXH bắt buộc cũng tăng đều qua các năm. Số liệu về số lượng lao động, quỹ lương của lao động tham gia BHXH bắt buộc, tình hình quản lý thu, chi và đầu tư quỹ BHXH bắt buộc thực hiện so với kế hoạch các năm phản ánh qua biểu đồ 2 và bảng 2 như sau:

Biểu đồ 2: kết quả thu BHXH bắt buộc năm 2007 - 2011



Nguồn: Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Qua các số liệu trên cho thấy, số thu BHXH bắt buộc toàn quốc liên tục tăng, năm sau cao hơn năm trước, tốc độ tăng

binh quân cả giai đoạn 5 năm (2011 so với 2007) gần 31,38% tương ứng với số thu là 42.282.480 triệu đồng.

Bảng 2: Tình hình quản lý thu, chi quỹ BHXH bắt buộc các năm (2007-2011)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1. Tổng số lao động	6.969.085	7.486.788	7.771.517	8.398.497	10.104.497
2. Tổng quỹ lương cơ bản	98.880.059	127.504.474	155.276.413	189.987.810	282.084.153
3. Kế hoạch thu	18.847.200	24.736.400	30.519.531	41.896.361	52.042.000
4. Thực hiện thu	19.776.012	25.500.895	31.055.282	44.797.318	62.058.533
5. Tăng giảm so với kế hoạch	928.812	764.495	535.751	99.043	10.016.533
6. Tỷ lệ đạt (%)	105%	104%	102%	100,2%	119%
7. Thực hiện chi	14.350.142	15.325.140	19.824.540	35.162.714	44.236.897
8. Tỷ lệ thanh toán (%)	137,8	166,3	156,6	118	140
9. Tỷ suất sinh lời quỹ đầu tư (%)	9,4	15	12	10,5	11

Nguồn: Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Như vậy, nhìn chung quỹ BHXH bắt buộc năm 2011 so với năm 2010 và cả chuỗi thời gian 2007 -2011 đều tăng cả về mức và tỷ lệ đã phản ánh sự cố gắng của cơ quan quản lý quỹ BHXH và các bên có liên quan, nhưng biến động về quan hệ thu/chi khá bất thường và gây ra mối quan ngại về sự tăng trưởng không ổn định và bóng ma về vỡ quỹ BHXH ảnh hưởng đến sự tin tưởng của các đơn vị và người lao động thực hiện tốt nghĩa vụ nộp BHXH, cần có các đánh giá cụ thể và giải pháp.

Các hành vi gian lận và nguyên nhân

Vấn đề đầu tiên dấy lên mối quan ngại của các nhà quản lý quỹ cũng như dư luận xã hội về khả năng kém bền vững của quỹ BHXH đó là thực trạng về tình hình nợ đọng BHXH trong các năm gần đây.

Bảng 3: Tình hình nợ đọng BHXH bắt buộc giai đoạn (2007-2011)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu \ Năm	2007	2008	2009	2010	2011
1. Số nợ	1.637.606	2.140.954	2.308.556	2.471.688	4.496.000
2. Tổng số thu	20.046.174	26.212.869	31.684.670	42.794.654	62.058.533
3. Tỷ lệ nợ tổng số thu	8,17%	8,17%	7,29%	5,28%	7,24%

Nguồn: Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Bảng 3 cho thấy, tình hình nợ đọng BHXH bắt buộc từ năm 2007 đến năm 2009 có giảm dần nhưng đến năm 2011 lại tăng đột biến và đặc biệt năm 2012 thì riêng thành phố Hồ Chí Minh nợ đọng BHXH đã đến hơn 5000 tỷ đồng, ngoài nguyên nhân khách quan do kinh tế suy thoái các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, phá sản nhiều... không có khả năng đóng BHXH thì phần lớn

nguyên nhân của thực trạng nợ đọng BHXH, thậm chí gian lận, trục lợi... làm thất thoát quỹ BHXH đã bị các đối tượng tham gia đóng BHXH và một bộ phận làm quản lý quỹ BHXH lợi dụng kẽ hở và sự không đồng bộ của luật pháp, sự lỏng lẻo, thiếu trách nhiệm hay non yếu của bộ máy quản lý quỹ cũng như cơ quan chức năng có liên quan và sự thiếu hiểu biết của người lao động thực hiện bằng các hành vi như:

- Các đơn vị, tổ chức, cá nhân, nhất là các đối tượng thuộc khu vực kinh tế ngoài nhà nước có sử dụng lao động thuộc diện đóng BHXH bắt buộc, nhưng không đăng ký tham gia BHXH hoặc tham gia nhưng không đầy đủ. Theo cơ quan thanh tra BHXH, tính đến ngày 30/9/2011 cả nước có trên 200.000 doanh nghiệp ngoài kinh tế nhà nước được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh, nhưng chỉ có trên 120.000 doanh nghiệp đăng ký tham gia BHXH, trên 50.000 doanh nghiệp đóng BHXH cầm chừng, hình thức vài kỳ để đủ điều kiện đầu thầu dự án hoặc che mắt các cơ quan chức năng khi mới kinh doanh.. tình trạng này vừa gây thất thu quỹ, vừa ảnh hưởng đến quyền lợi người lao động, trách nhiệm chính ở đây thuộc về các cơ quan chức năng.

- Các đối tượng phải đóng BHXH bắt buộc đã trốn tránh nghĩa vụ nộp BHXH bằng các hình thức như: khai báo số lao động phải đóng BHXH ít hơn số lao động hiện có thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc; khai báo mức lương trả cho người lao động thấp hơn mức thực trả...thỏa hiệp với người lao động cùng trốn đóng BHXH. Trách nhiệm ở đây thuộc về cả ba bên: nhà nước, người sử dụng lao động và người lao động.

Phần lớn các doanh nghiệp nợ đọng BHXH đã thu của người lao động rồi nhưng lại không nộp cho cơ quan BHXH, hoặc chỉ nộp một vài kỳ rồi cố tình nợ đọng hưởng lãi tiền gửi, chiếm dụng vốn để kinh doanh, chấp nhận nộp phạt vì tỷ lệ phạt trên số nợ thấp hơn lãi vay ngân hàng, thậm chí tuyên bố phá sản, thành lập doanh nghiệp mới hoặc bỏ trốn khỏi địa bàn... chiếm đoạt khoản BHXH của người lao động nếu khoản phải đóng đủ lớn, trách nhiệm ở đây thuộc về nhà nước, cơ quan quản lý quỹ BHXH và doanh nghiệp.

Cán bộ trong hệ thống BHXH trình độ chuyên môn non yếu nên đã để thất thoát quỹ do chỉ không đúng đối tượng, bộ phận đầu tư mang quỹ đi đầu tư không thẩm định chặt chẽ dự án đầu tư nên thâm hụt và mất quỹ đầu tư, quy định về quy trình thu, nộp, cấp sổ BHXH, thẻ bảo hiểm y tế, chi trả BHXH còn thiếu chặt chẽ nên cán bộ BHXH thông đồng với các đối tượng gian lận hồ sơ để rút ruột quỹ BHXH, gây phiền hà, những nhiều các đối tượng tham gia BHXH để trục lợi... Trách nhiệm ở đây thuộc về cơ quan quản lý quỹ BHXH là chính.

Vấn đề thứ hai là lộ trình và phương pháp tổ chức phát triển và nuôi dưỡng nguồn thu BHXH chưa được chú ý đúng mức trên cả ba phương diện: hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát. Hiện nay, dân số Việt Nam đang ở thời kỳ vàng nên tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động rất cao, lẽ ra quỹ BHXH cũng phải ở thời kỳ tăng trưởng và dư quỹ tốt nhất nhưng thực tế biến động về thu, chi quỹ trong 6 năm từ khi có Luật BHXH lại không đạt được kỳ vọng. BHXH ở bất kỳ nước nào đều cần những điều kiện và môi trường nhất định để tồn tại và phát triển. Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển của quỹ BHXH, nhưng chủ yếu phụ thuộc vào nhận thức và hành động của ba bên: Nhà nước, chủ sử dụng lao động và người lao động. Mỗi bên cần thực hiện đúng



Theo cơ quan thanh tra BHXH, tính đến ngày 30/9/2011 cả nước có trên 200.000 doanh nghiệp ngoài kinh tế nhà nước được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh, nhưng chỉ có trên 120.000 doanh nghiệp đăng ký tham gia BHXH

vai trò và nghĩa vụ của mình thì mới duy trì, mở rộng và nuôi dưỡng nguồn thu được. Về hình thức, việc quản lý chi và đầu tư quỹ BHXH phải đảm bảo sao cho hệ số cân đối thu chi = tổng thu/ tổng chi hàng năm luôn >1 và biến động theo thời gian tăng dần; mức đóng/mức hưởng BHXH bình quân của mỗi đối tượng phải >1. Về bản chất, quỹ BHXH luôn lấy nguồn đóng góp BHXH của các đối tượng đang làm việc ở hiện tại để chi trả cho các đối tượng của các thế hệ trước đã nghỉ hưu là chủ yếu, đó là sự phân phối lại thu lao động giữa các thế hệ.

Giải pháp phát triển an toàn cho quỹ BHXH Việt Nam

Để phát triển quỹ BHXH một cách an toàn thì việc hoàn thiện hành lang pháp lý, mở rộng đối tượng đóng BHXH, quản lý việc sử dụng quỹ BHXH một cách chặt chẽ và nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan BHXH một cách đồng bộ, quyết liệt là các giải pháp hữu hiệu để tăng trưởng quỹ BHXH một cách an toàn.

Mở rộng đối tượng tham gia BHXH để mọi người lao động đều được tham gia BHXH cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Nhà nước cần hoạch định và thực thi các chính sách vĩ mô một cách đồng bộ, nhất là chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực, chính sách tiền lương, chính sách việc làm..., hạn chế đến mức tối đa sự phân biệt đối xử và mất bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và các nhóm đối tượng tham gia BHXH, quan tâm đặc biệt đến phát triển các đối tượng tham gia BHXH thuộc khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân và các đối tượng chính sách thông qua khảo sát, dự báo chính xác số lượng các nhóm đối tượng có tiềm năng tham gia BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện.

Cơ quan BHXH cần chủ động phối hợp với các bên có liên quan và sử dụng các kênh thông tin đại chúng để phổ biến Luật BHXH, nâng cao nhận thức về BHXH của người sử dụng lao động, người lao động, và cán bộ làm BHXH...tổ chức tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực của cơ quan quản lý quỹ BHXH, đảm bảo nguồn nhân lực của cơ quan tinh về chuyên môn và có phong cách làm việc chuyên nghiệp trong điều kiện hiện nay, trang bị hệ thống phương tiện kỹ thuật của cơ quan BHXH đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính trong hệ thống BHXH Việt Nam thực hiện được cơ chế "một cửa" thực sự.

Giải pháp kiểm chế lạm phát và tăng trưởng kinh tế bền vững

PHẠM MINH QUANG

KIỂM CHẾ LẠM PHÁT LUÔN LÀ MỘT TRONG NHỮNG NHIỆM VỤ KHÓ KHĂN, NHẤT LÀ HIỆN NAY, KHI QUAN ĐIỂM CHÍNH SÁCH CỦA NƯỚC TA THEO ĐỊNH HƯỚNG LẠM PHÁT THẤP, TĂNG TRƯỞNG HỢP LÝ VÀ ƯU TIÊN CẢ HAI MỤC TIÊU NÀY NHƯ NHAU. MUỐN LÀM ĐƯỢC ĐIỀU NÀY, CÁC NHÀ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH CẦN CÓ NHỮNG CHÍNH SÁCH VĨ MÔ HỢP LÝ TRONG DÀI HẠN VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CĂN CỐ ĐỂ LẠM PHÁT LUÔN ỔN ĐỊNH Ở MỨC THẤP VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ MỘT CÁCH BỀN VỮNG.

Thực trạng lạm phát và tăng trưởng của Việt Nam

Việt Nam bắt đầu đổi mới nền kinh tế từ năm 1986 với những bước phát triển to lớn và tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Nền kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới và đã đạt được nhiều tiến bộ trong cải cách vĩ mô, đã có những bước tăng trưởng ngoạn mục, góp phần đáng kể trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo. Tuy nhiên, do quá tập trung vào tăng trưởng kinh tế trong một thời gian dài nên lạm phát đã có những biến động khó lường và dao động trong biên độ lớn hoặc có thời kỳ lại quá thất chặt một số chính sách nhằm kiểm chế lạm phát khiến nền kinh tế rơi vào trì trệ.

Bằng chứng là, giai đoạn từ năm 1991-1995, nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao, trung bình tăng khoảng 8,2%/năm nhưng lạm phát lại tăng khoảng 20%/năm. Đây là giai đoạn mà nền kinh tế đã lấy lại được đà tăng trưởng, khắc phục được sự trì trệ, suy thoái mà lạm phát cao của những năm 1986-1990 gây nên.

Giai đoạn từ năm 1996-2000, là bước phát triển quan trọng của thời kỳ mới, Chính phủ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mặc dù chịu tác động của khủng hoảng tài chính thế giới cùng thiên

tai nghiêm trọng xảy ra liên tiếp, nước ta vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 8%/năm; lạm phát thấp, ổn định và giảm dần, khoảng 3,6%/năm.

Giai đoạn từ năm 2001-2005, nền kinh tế nước ta đạt được tốc độ tăng trưởng cao, liên tục, tăng trưởng bình quân đạt 7,2%/năm. Lạm phát được kiểm chế ở mức một con số, tăng bình quân 5,14%/năm.

Giai đoạn từ năm 2005-2010, mặc dù khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu diễn ra, nhưng Việt Nam vẫn thu hút được vốn đầu tư nước ngoài nên tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân vẫn đạt 7,33%, tuy nhiên lạm phát lại tăng nhanh, biến động mạnh và không ổn định, trung bình đạt khoảng 11,4%/năm.

Năm 2011, lạm phát tăng cao lên mức hơn 18% và giảm đột ngột xuống mức 6,8% vào năm 2012. Tăng trưởng bình quân của hai năm này chỉ ở mức 5,46%. Để có thể giảm lạm phát và giữ mức tăng trưởng hợp lý vào hai năm này là nhờ những quyết sách đúng đắn của Chính phủ, trong đó có Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 về những giải pháp tập trung kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã có những chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận

Đảm bảo an toàn và phát triển BHXH một cách bền vững cấp bách hiện nay là: phải thực hiện giải pháp xử lý dứt điểm và ngăn ngừa các hành vi gian lận, nợ đọng, trục lợi... quỹ BHXH và đầu tư quỹ có hiệu quả thông qua việc hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế phối hợp hành động của cơ quan BHXH với các bên có liên quan như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Kho bạc nhà nước, các ngân hàng thương mại... để cung cấp thông tin và phối hợp hành động xử lý các đối tượng vi phạm. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vụ việc phát hiện qua thanh tra đối với việc thực hiện thu, chi, xử lý nợ đọng, gian lận quỹ BHXH cần được tổ chức thực hiện thường xuyên, phát hiện và xử lý kịp thời, dứt điểm có hiệu quả, bổ sung chế tài xử phạt có tính chất răn đe rõ rệt các đối tượng vi phạm như các đối tượng trốn thuế, nợ xấu của các ngân hàng thương mại. Quản lý hồ sơ tham gia BHXH của người lao động và người sử dụng lao động một cách chặt chẽ để vừa xử lý được các đối tượng chiếm dụng BHXH đã thu của người lao động, vừa tạo cơ sở để chi trả BHXH một cách kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng cho người được thụ hưởng BHXH, củng cố niềm tin cho các đối tượng tham gia BHXH ■

Tài liệu tham khảo

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2010), Chiến lược phát triển BHXH Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.
2. Các báo cáo tổng kết năm của BHXH Việt Nam từ 2007 đến 2011.
3. Luật BHXH, BHYT, các văn bản hướng dẫn Luật BHXH, BHYT.
4. Chính phủ (2007), Nghị định số 135/2007/NĐ - CP ngày 16/9/2007 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.
5. Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính (1998), Thông tư liên bộ số 11/TT - LB ngày 16 tháng 6 năm 1998 hướng dẫn thu nộp BHXH do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.
6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1994), Bộ Luật Lao động, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Tổng Công đoàn Việt Nam (1962), Quyết định số 364 ngày 02/4/1962 về nguyên tắc quản lý và chi tiết về nội dung thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội Nhà nước.
8. Cổng thông tin điện tử của BHXH Việt Nam